PHẦN MỞ ĐẦU   
1. Lí do chọn đề tài   
1.1 Thế kỉ XX được xem là thế kỉ của lí thuyết văn học với sự ra đời và   
phát triển của nhiều trường phái lí thuyết hiện đại phương Tây như chủ nghĩa   
cấu trúc, giải cấu trúc, hậu hiện đại. Các trường phái lý thuyết vừa có sự tiếp   
biến, ảnh hưởng vừa phủ nhận nhau đã tạo cho đời sống văn học sự đa dạng và   
phức tạp. Đầu thế kỉ XX, khái niệm về văn bản được phát hiện đã làm thay đổi   
quan niệm về tác phẩm văn học, cấu trúc tác phẩm, về vị trí của tác giả. Nửa   
cuối thế kỉ XX, khái niệm tính liên văn bản (interxtuality) gắn với tên tuổi nhà   
nghiên cứu ngôn ngữ học người Thụy Sĩ F.Saussure, nhà thi pháp học Nga   
Bakhtin, đặc biệt là nhà triết học, nữ quyền luận, nhà tiểu thuyết Pháp gốc   
Bulgari Kritteva đã trở thành mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế   
giới. Thuyết liên văn bản của Kritteva, Bakhtin, Barthes, Genette, Riffatee,   
Bloom, đều có nhận thức chung rằng bất kì văn bản nào đều có mối quan hệ với   
văn bản khác ra đời trước đó. Mối quan hệ liên văn bản dựa trên sự kết nối các   
văn bản với nhau bằng các phương thức trích dẫn, mô phỏng, chuyển thể, pha   
trộn, nhái, nhại, đạo văn. Thuật ngữ “liên văn bản” dùng để mô tả mỗi văn bản   
đều chứa đựng sự tham chiếu của các văn bản khác, qua đó mà chúng nảy sinh   
nhiều ý nghĩa mới mẻ. Liên văn bản có thể là vô thức, có thể được tác giả nhận   
thức trong quá trình sáng tác, được người đọc nhận thức trong thực tiễn, bởi vậy   
mà các giá trị văn hóa không ngừng phát triển. Nghiên cứu tác giả, tác phẩm từ   
góc độ liên văn bản đang thu hút giới nghiên cứu phê bình văn học đương đại   
không chỉ trên thế giới mà còn được chú ý ở Việt Nam trong những năm gần   
đây. Tiếp cận văn bản tác phẩm từ lí thuyết liên văn bản đã mở ra một hướng   
tiếp cận mới, nó kích thích quá trình tìm hiểu khoa học và khám phá thế giới văn   
hóa của người đọc, từ đó mở ra tầng vỉa giá trị mới cho tác phẩm văn chương.   
  
5   
  
1.2 Lưu Quang Vũ là một tác giả lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam   
nửa cuối thế kỉ XX. Không kể đến sáng tác thơ và văn xuôi, nếu chỉ tính riêng   
về sáng tác kịch thì ông là một tên tuổi hàng đầu của kịch trường Việt Nam   
những năm tám mươi của thế kỉ XX. Với số lượng tác phẩm (53 vở kịch trong   
vòng mười năm sáng tác), Lưu Quang Vũ đã để lại một dấu ấn đặc biệt gây chú   
ý trong diễn đàn văn học. Sau hàng loạt các vở diễn gây tiếng vang như Nàng   
Sita, Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Tôi và chúng ta, Lời thề thứ 9, Nguồn   
sáng trong đời,...đã có rất nhiều ý kiến đánh giá về tài năng sáng tạo của Lưu   
Quang Vũ, nhiều ý kiến cho rằng ông là “nhà viết kịch xuất sắc của thời kỳ hiện   
đại”. Nhà nghiêu cứu Phan Ngọc nhận xét: “Lưu Quang Vũ là nhà viết kịch lớn   
nhất của thế kỉ này của Việt Nam và là một nhà văn hóa” và “có một kịch pháp   
Lưu Quang Vũ mà cả Đông Nam Á có thể tiếp thu”. Với Ngô Thảo thì Lưu   
Quang Vũ là “một đỉnh cao” và là một trong tác giả hàng đầu của sân khấu Việt   
Nam thập niên tám mươi của thế kỉ XX. Nhìn từ góc độ tài năng tỏa sáng, nhà   
phê bình Lý Hoài Thu nhận ra “Lưu Quang Vũ đã mang đến cho đời sống sân   
khấu một cuộc phục sinh mạnh mẽ”. Nhận xét đó đã được kiểm chứng qua thời   
gian, và cho đến nay kể từ sau sự ra đi đột ngột của nhà viết kịch thiên tài thì sân   
khấu Việt Nam lại rơi vào tình trạng thiếu kịch bản hay. Nhìn vào thực tế có thể   
thấy rằng chưa có một tác giả viết kịch bản nào có thể thay thế được vị trí của   
nhà văn Lưu Quang Vũ. Ông là một tác giả có công lao đóng góp lớn cho một   
thập niên sân khấu có nhiều thành tựu đặc sắc. Các vở kịch của ông góp phần   
nâng cao chất lượng sân khấu cả nước vào thời kì xã hội nhiều biến động và   
đang còn chồng chất khó khăn. Những vở kịch của Lưu Quang Vũ khi được   
trình diễn đã đem đến cho đời sống tinh thần văn hóa của nhân dân cả nước một   
bầu không khí phấn chấn, tin tưởng, cởi mở, dân chủ. Theo Lưu Khánh Thơ   
“trong lịch sử sân khấu nước ta, thời kì của Lưu Quang Vũ có lẽ là thời kì sôi   
động, giàu sức sống nhất, thu hút đông đảo người xem nhất”. Nét độc đáo trong   
kịch của Lưu Quang Vũ là “đã làm thay đổi tư duy của người biểu diễn cũng   
  
6   
  
như của công chúng”. Lưu Quang Vũ, một nhà văn có tầm ảnh hưởng rộng lớn   
đối với diện mạo văn học và đối với công chúng không chỉ hôm nay mà chắc   
chắn cả mai sau, tầm đón đợi các vở kịch của Lưu Quang Vũ sẽ còn có sức lan   
tỏa mạnh mẽ và mãnh liệt qua chiều kích của thời gian.   
Nhà viết kịch Lưu Quang Vũ là cây bút tiêu biểu có nhiều đóng góp lớn   
cho nền sân khấu Việt Nam. Ông là một nhà văn có ý thức sử dụng liên văn   
bản trong các sáng tác của mình. Các vở kịch của ông chịu ảnh hưởng từ nhiều   
nguồn khác nhau như lịch sử, huyền thoại, triết học, báo chí, khoa học…Tất cả   
đã trở thành chất liệu văn chương và nguồn sáng tạo trong các vở kịch của Lưu   
Quang Vũ. Hơn nữa với sự nỗ lực của nhà văn trong quá trình sáng tác là tiếp   
tục tinh thần phê phán, khơi sâu các vấn đề xã hội, thế sự, đời tư, Lưu Quang   
Vũ đã phát hiện những mặt trái của của nhân sinh xã hội với tinh thần tự vấn,   
phản biện đối thoại với tinh thần dân chủ cởi mở. Nhà văn luôn khát khao thay   
đổi, vươn tới giá trị sống cao đẹp của con người, luôn hướng tới sự hòa nhập   
với thế giới hiện đại và tinh thần dân chủ thực sự. Chính bởi lẽ đó mà các sáng   
tác của ông mang tư tưởng cách tân mới mẻ, táo bạo, nhận được nhiều sự chú ý   
của các nhà nghiên cứu và sự hưởng ứng của độc giả, đặc biệt là khán giả xem   
kịch của ông.   
1.3 Sức lan tỏa từ những vở kịch và vị trí xuất sắc của Lưu Quang Vũ   
trong nền văn học Việt Nam đã trở thành lí do xứng đáng để các nhà nghiên cứu   
và các nhà giáo dục lựa chọn đưa tác phẩm của ông vào trong chương trình   
giảng dạy phổ thông kể từ năm 2000. Với trích đoạn của hai vở kịch Tôi và   
chúng ta; Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Lưu Quang Vũ đã được giới thiệu là   
nhà văn tiêu biểu cho thể loại kịch nói hiện đại Việt Nam. Việc chọn lựa các   
trích đoạn kịch của Lưu Quang Vũ giới thiệu trong chương trình phổ thông cùng   
với tác giả Nguyễn Huy Tưởng với hai trích đoạn trong vở kịch Bắc Sơn và Vũ   
Như Tô đã khẳng định tầm ảnh hưởng của các vở kịch đối với thế hệ trẻ. Lưu   
Quang Vũ được giới thiệu ở chương trình phổ thông bởi các vở kịch của ông   
  
7   
  
vừa chứa đựng những tư tưởng mới mẻ, hiện đại, tiến bộ vừa bảo lưu những giá   
trị truyền thống nhân văn cao đẹp, đạo đức cốt tử làm người, những khát vọng   
chân chính là nền tảng để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì cuộc sống của con   
người. Những giá trị đó cần được thế hệ trẻ mà đặc biệt là học sinh tiếp nhận   
như một bài học quý giá về giá trị sống đích thực của con người trong xã hội   
hiện đại. Việc đưa một tác giả kịch bản vào trong chương trình phổ thông một   
lần nữa thể hiện sự đánh giá cao vị trí và vai trò của nhà văn Lưu Quang Vũmột nhà văn tiên phong của thời kì đổi mới đã gặt hái được nhiều thành tựu ở   
thể loại kịch và có những đóng góp xuất sắc cho diện mạo của văn học Việt   
Nam những năm tám mươi của thế kỉ XX.   
Với những lí do trên, chúng tôi đã lựa chọn đề tài “Liên văn bản trong   
kịch của Lưu Quang Vũ” cho luận văn thạc sĩ của mình. Có thể nói đây là một   
hướng đi vừa là khám phá cũng vừa là một thử nghiệm khi dùng lí thuyết liên   
văn bản tiếp cận một tác giả kịch lớn trong văn học Việt Nam. Cảm hứng đến   
với đề tài này hy vọng sẽ đem đến cho chúng tôi những phát hiện mới có ý   
nghĩa nhân văn, ý nghĩa xã hội qua một số vở kịch tiêu biểu của nhà viết kịch   
tài năng Lưu Quang Vũ.   
2. Lịch sử vấn đề   
2.1 Những công trình đánh giá về thơ Lƣu Quang Vũ   
Lưu Quang Vũ là tác giả xuất hiện trên diễn đàn văn chương sớm với tập   
thơ Hương cây - Bếp lửa in chung với Bằng Việt năm 1968. Tập thơ ngay khi   
mới ra đời đã thu hút sự chú ý của các nhà phê bình. Hoài Thanh đã nhận định   
về Lưu Quang Vũ là “Một cây bút trẻ đầy triển vọng”, thơ của ông “là tiếng nói   
nhỏ nhẹ mà sâu” tình cảm trong thơ là “đúng”, ông được đánh giá “là một ngòi   
bút thông minh” có rất nhiều ưu điểm và có nhiều triển vọng. Nhà nghiên cứu Lê   
Đình Kỵ nhận xét tập thơ Hương cây- Bếp lửa : “Thơ Lưu Quang Vũ có một   
điệu tâm hồn riêng và không thiếu tâm tình, một tâm tình sâu sắc tự nhiên không   
dứt ra được” [40,tr.73]. Nhà phê bình Lý Hoài Thu nhận ra vẻ độc đáo của tập   
  
8   
  
thơ Hương cây - Bếp lửa “không cao giọng, không trực tiếp lặn lội trên những   
nẻo đường Trường Sơn hay những mảnh đất vùng tuyến lửa như nhiều bạn thơ   
cùng thế hệ, Thơ Lưu Quang Vũ mang một vẻ đẹp lí tưởng và nặng tình yêu quê   
hương đất nước” [40.tr.28] . Nhà thơ Vũ Quần Phương nhận xét về thơ của Lưu   
Quang Vũ có "một cách nhìn đời hồn hậu lạc quan, quay phía nào cũng thấy sự   
hài hòa ưu ái” [40,tr.77]. Đã có rất nhiều những ý kiến đánh giá về thơ của Lưu   
Quang Vũ nhưng nhìn chung tất cả đều hướng tới nhận xét là nhìn thấy trong   
thơ của Vũ sự “chân thành” và “đắm đuối” trong cảm xúc. Người làm thơ cái   
cần trước tiên là cảm xúc và tình cảm bởi lẽ nếu cảm xúc không mãnh liệt, tình   
cảm không chân thành thì làm sao có thể viết cho “ngòi bút có thần” ở ngôn ngữ   
thơ ca được? Lưu Quang Vũ đã thành thực với chính lòng mình khi bày tỏ tình   
yêu đối với con người, cuộc sống, thiên nhiên, đất nước. Tình cảm trong thơ của   
ông có lúc vui, lúc buồn, có khi chua chát đầy đau khổ… nhưng tất cả lại được   
nhìn bởi nhân sinh quan tích cực, triết lý sống lạc quan tin tưởng. Hai mươi năm   
sáng tác, Lưu Quang Vũ đã sáng tác hơn mười tập thơ, có những tập thơ đã được   
in, có tập thơ chưa xuất bản. Các tập thơ được nhiều người biết đến như Hương   
cây - Bếp lửa (1968), Mây trắng của đời tôi (1989), Bầy ong trong đêm sâu   
(1993), Gửi các anh (1998), đã khẳng định Lưu Quang Vũ là một thi sĩ tài năng,   
một cá tính thơ độc đáo trong dòng thơ hiện đại nửa cuối thế kỉ XX. Được biết   
đến là một nhà thơ trước khi là một nhà viết kịch nhưng hành trình thơ ca của   
Lưu Quang Vũ lại có ảnh hưởng lớn đối với sự thành công ở thể loại kịch.   
Chính nhà văn đã tâm sự “Trong quan niệm của tôi, thơ và kịch rất gần nhau, có   
lẽ thơ với kịch còn gần nhau hơn là thơ với văn xuôi. Đều là hai thể loại lớn và   
khó của văn học, thơ và kịch đều là sự sống và thế giới bên trong của con người   
ở dạng tinh chất, cô đọng và mãnh liệt nhất. Đối với tôi, kịch cũng là một thứ   
thơ được trình bày trong không gian và thời gian kì diệu của sân khấu, thông   
qua diễn xuất của diễn viên” [40,tr.505]. Như vậy, những thành công của Lưu   
Quang Vũ ở thể loại thơ ca đã được các nhà phê bình ghi nhận, những thành   
  
9   
  
công đó là tiền đề quan trọng để đánh giá về kịch của Lưu Quang Vũ ở chặng   
sáng tác sau.   
2.2 Những công trình đánh giá về kịch của Lƣu Quang Vũ   
Khái quát về đời văn của Lưu Quang Vũ, tác giả Lý Hoài Thu trong cuốn   
Lưu Quang Vũ về tác giả và tác phẩm đã có một công trình mang tính tổng lược   
và hoàn chỉnh về đường nghệ thuật của Lưu Quang Vũ từ một nhà thơ, nhà văn,   
nhà phê bình đến khi trở thành một tác giả hàng đầu của sân khấu Việt Nam. Bài   
viết đã chỉ rõ : “Lưu Quang Vũ có hai mươi năm vui buồn cùng thơ và mười năm   
cuối đời song hành cùng kịch, nhưng trong mười năm ấy tài năng của Lưu   
Quang Vũ đã tỏa sáng và tạo cho mình một phong cách, một “kịch pháp” và trở   
thành một hiện tượng nổi bật nhất của sân khấu Việt Nam thời kì đổi mới” [40,   
tr.42]. Sức sáng tạo của Lưu Quang Vũ bắt đầu từ vở kịch đầu tay Sống mãi   
tuổi 17 (1979), vở diễn ra mắt của Nhà hát Tuổi trẻ và lần đầu tiên tham gia hội   
diễn sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc đạt giải nhất. Với vở diễn này, giới sân   
khấu đánh giá Lưu Quang Vũ là một gương mặt mới, đáng chú ý. Sau cái chết   
đột ngột của cha là nhà viết kịch Lưu Quang Thuận, Lưu Quang Vũ lập tức bắt   
tay vào hoàn thiện kịch bản chèo Nàng Sita và được đoàn chèo Hà Nội dàn   
dựng, sau đó vở diễn được hơn 30 đoàn nghệ thuật trong cả nước dựng lại với   
đủ các thể loại như: kịch nói, cải lương, dân ca, chèo. Với vở kịch này Lưu   
Quang Vũ đã tạo được tiếng vang lớn trong làng sân khấu của cả nước. Nhưng   
phải đến năm 1984, Lưu Quang Vũ sáng tác 15 vở kịch, hội diễn sân khấu toàn   
quốc 1985 có tới 8 vở tham gia hội diễn thì 6 vở đạt Huy chương vàng, 2 vở đạt   
Huy chương bạc, báo chí gọi ông là cây bút vàng của kịch trường Việt Nam. Ba   
năm cuối đời sức sáng tạo của Lưu Quang Vũ thật phi thường khi ông hoàn   
thành tiếp hơn hai mươi vở kịch. Trong vòng mười năm ngắn ngủi của cuộc đời,   
Lưu Quang Vũ đã để lại hơn 50 vở kịch và ông đã trở thành một hiện tượng đặc   
biệt của sân khấu Việt Nam. Trong cuốn sách Lưu Quang Vũ tài năng và lao   
động nghệ thuật, nhà phê bình Ngô Thảo nhận xét : “Hạt giống gieo vào mảnh   
  
10   
  
đất tốt gặp thời tiết thuận hòa, lại có một nội lực khỏe đã nhanh chóng phát   
triển. Và bóng rợp của tài năng Lưu Quang Vũ trùm lên che mát cả một vùng   
sân khấu rộng lớn và trải dài đất nước trong một thập niên” [39,tr.53]. Nhà   
nghiên cứu Phan Ngọc trong Tạp chí Tia sáng, số 5, 1996 khi nói về các vở kịch   
của Lưu Quang Vũ khai thác mô típ truyện dân gian có nhận xét : “Không ai   
bằng Vũ trong biệt tài làm nêu cái muôn thuở trong cái đời thường, biến cổ tích,   
huyền thoại thành truyện thời sự, dùng cái hư để nói cái thực, dùng cái thô lỗ để   
khẳng định cái cao quý ” [40,tr.266]. Lưu Khánh Thơ trong bài viết Đóng góp   
của Lưu Quang Vũ đối với nền văn học kịch Việt Nam được in trong cuốn Lưu   
Quang Vũ – Tác phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh cũng đánh giá cao về tiếng   
nói tiên phong trong kịch của Lưu Quang Vũ “Kịch của Lưu Quang Vũ là tiếng   
nói trẻ trung, dũng cảm trong phong trào đổi mới ở nước ta. Đó là kết quả của   
nhiệt tâm, sức lực, sự hiểu biết cuộc sống của người nghệ sĩ đồng thời cũng là   
kết quả của một tình yêu của lòng say mê và khát vọng nghệ thuật” [47,tr.285].   
Nhà nghiên cứu Phan Trọng Thưởng đã nhìn thấy sức sống lâu bền qua các đề   
tài hiện đại trong các vở kịch của Lưu Quang Vũ là ở chỗ “cảm hứng chủ đạo   
trong kịch của Lưu Quang Vũ là cảm hứng về con người, về cái đẹp, cái thiện   
…khát vọng chính của anh là khát vọng hoàn thiện cuộc sống, hoàn thiện con   
người. Cho nên vượt qua những đề tài có tính chất thời sự, kịch của anh hướng   
tới những giá trị nhân đạo bền vững lâu dài” [40,tr.291]. Các nhà nghiên cứu   
tập trung vào hai đề tài chính trong kịch của Lưu Quang Vũ là đề tài khai thác   
mô típ truyện cổ dân gian và đề tài hiện đại viết về cuộc sống mới để đưa ra   
những nhận xét đánh giá về tài năng nghệ thuật, cội nguồn sáng tạo nghệ thuật   
của Lưu Quang Vũ. Đề tài hiện đại vẫn luôn là vấn đề cốt lõi, xuyên suốt các   
sáng tác của Lưu Quang Vũ cho dù nhà văn khai thác các mô típ dân gian trong   
các vở kịch. Đạo diễn Phạm Thị Thành nhận xét : “Anh hay dùng câu chuyện   
huyền thoại cổ tích để viết lên tâm sự của con người ngày hôm nay” [43,tr.174].   
Tác giả Cao Minh cũng có chung nhận xét khi viết về vở kịch Hồn Trương Ba,   
  
11   
  
da hàng thịt “Từ một truyện cổ dân gian mang tính triết lí cao, Lưu Quang Vũ   
đã sáng tác vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt. Vở kịch đi thẳng vào người   
xem vấn đề muôn thuở của con người cũng là vấn đề cấp bách của cuộc sống   
hiện tại” [40,tr.322]. Nhà phê bình Lý Hoài Thu chỉ rõ trong vở kịch Hồn   
Trương Ba, da hàng thịt “Lưu Quang Vũ không lệ thuộc vào nội dung câu   
chuyện, đã tìm tòi, vừa mở rộng kích thước tự sự, vừa khơi sâu vào giá trị tư   
tưởng để tạo nên vở kịch nổi tiếng mà “hạt cơ bản” là giá trị nhân văn sâu sắc   
về lẽ tử - sinh” [41,tr.117]. Những ý kiến đánh giá về kịch của Lưu Quang Vũ   
đều có chung nhận xét : tác giả Lưu Quang Vũ là một tài năng lao động nghệ   
thuật, sức sáng tạo đặc biệt “một Molie ở Việt Nam”, đề tài kịch của Lưu Quang   
Vũ rất đa dạng đặc biệt bắt nhịp với cuộc sống mới, chất lượng kịch của Lưu   
Quang Vũ hấp dẫn lôi cuốn ở cách tổ chức xung đột kịch, ở ngôn ngữ và nghệ   
thuật xây dựng nhân vật. Cuốn sách Lưu Quang Vũ, tài năng và lao động nghệ   
thuật, Lưu Quang Vũ- tác phẩm đạt giải thưởng Hồ Chí Minh, Lưu Quang Vũ về   
tác gia và tác phẩm cũng đã tổng hợp được rất nhiều các bài viết có giá trị của   
các nhà nghiên cứu về Lưu Quang Vũ như Tất Thắng, Phan Trọng Thưởng, Ngô   
Thảo, Phan Ngọc, Lý Hoài Thu, Lưu Khánh Thơ…   
Ngoài ra còn có một số luận án và luận văn đã nghiên cứu một cách hệ   
thống về tác giả, tác phẩm của Lưu Quang Vũ. Luận án Giá trị tư tưởng và nghệ   
thuật trong kịch của Lưu Quang Vũ (Lê Hương Giang), Những giá trị nội dung   
xã hội và nghệ thuật trong kịch của Lưu Quang Vũ (Phan Trọng Thành). Luận   
văn về Đặc điểm kịch của Lưu Quang Vũ, Mảng kịch dựa trên tích truyện dân   
gian của Lưu Quang Vũ, Thế giới nghệ thuật kịch của Lưu Quang Vũ, Thế giới   
nhân vật trong kịch của Lưu Quang Vũ… Điểm qua các công trình nghiên cứu   
trên cho thấy thực tế chưa có một công trình nghiên cứu nào nghiên cứu kịch   
Lưu Quang Vũ hướng tới lí thuyết liên văn bản. Lí thuyết liên văn bản có thể   
không phải là mới nhưng lại là thách thức đối với những ai nghiên cứu kịch của   
Lưu Quang Vũ. Vừa là khó khăn nhưng cũng lại mở ra sự thuận lợi, đó là hướng   
  
12   
  
nghiên cứu liên văn bản trong sáng tác kịch của Lưu Quang Vũ vẫn còn là một   
đề tài bỏ ngỏ, là khoảng trống cho những vấn đề cần được tiếp tục khai thác.   
3. Đối tƣợng, mục đích nghiên cứu   
Đối tượng nghiên cứu của luận văn là liên văn bản trong kịch Lưu Quang Vũ.   
Phạm vi nghiên cứu : Luận văn lựa chọn các vở kịch tiêu biểu của Lưu Quang   
Vũ như : Hồn Trương Ba, da hàng thịt, Ông vua hóa hổ. Ngọc Hân công chúa,   
Sống mãi tuổi 17, Đôi dòng sữa mẹ, Nguồn sáng trong đời, Hoa cúc xanh trên đầm   
lầy, Tôi và chúng ta, Ngoài ra luận văn khảo sát thêm một số vở kịch khác như : Lời   
thề thứ 9, Quyền được hạnh phúc, Cô gái đội mũ nồi xám, Linh hồn của đá…   
Mục đích nghiên cứu:   
Về mặt lí thuyết : mở thêm một hướng nghiên cứu từ hệ thống lí thuyết liên văn   
bản thuộc trào lưu giải cấu trúc phương Tây thế kỉ XX.   
Về mặt thực tiễn : ứng dụng lí thuyết liên văn bản để phân tích kịch của   
Lưu Quang Vũ nhằm làm nổi bật một số phương diện đặc sắc trong các kịch của   
ông. Từ việc tìm ra tính liên văn bản trong đặc điểm kịch của Lưu Quang Vũ sẽ   
có những đánh giá đúng đắn và sâu sắc về giá trị nội dung tư tưởng, tầng sâu văn   
hóa, tính thần dân chủ trong các sáng tác kịch bản. Qua đó góp phần khẳng định   
tài năng nghệ thuật, vị trí tiên phong, vai trò khơi mở, tầm tư tưởng lớn của nhà   
viết kịch đồng thời cũng là nhà văn hóa Lưu Quang Vũ - một nhà văn xuất sắc   
của thời kì đổi mới.   
4. Phƣơng pháp nghiên cứu   
Để thực hiện đề tài, luận văn vận dụng các phương pháp chính sau đây.   
Phương pháp lịch sử - xã hội : tìm hiểu lí thuyết liên văn bản trong tiến   
trình lịch sử phát triển và hình thành trong bối cảnh xã hội châu Âu. Từ đó lược   
giản những vấn đề cốt lõi nhất của lí thuyết liên văn bản, ứng dụng khía cạnh   
của lí thuyết phù hợp để phân tích tác giả, tác phẩm của Lưu Quang Vũ trong   
bối cảnh xã hội Việt Nam. Người viết khi ứng dụng lí thuyết liên văn bản vào   
sáng tác của Lưu Quang Vũ sẽ đặt tác giả, tác phẩm vào tiến trình vận động của   
  
13   
  
văn học Việt Nam suốt chặng đường 1945 đến hết thế kỉ XX. Soi xét từ bối cảnh   
văn hóa xã hội đặc biệt là xã hội Việt Nam những năm 80 của thời kì đổi mới,   
những yếu tố khách quan, chủ quan có tác động mạnh mẽ đến quá trình sáng tạo   
của nhà văn. Căn cứ vào bối cảnh chính trị, xã hội của đất nước để có nhận xét   
đúng đắn về vị trí, vai trò của nhà văn và tác phẩm.   
Phương pháp loại hình : xem xét, phân tích tác phẩm từ lí thuyết loại hình   
(kịch), người viết sẽ chú ý đến xung đột kịch, hành động kịch, nhân vật và ngôn   
ngữ kịch để nghiên cứu cụ thể. Tuy nhiên, đề tài của luận văn là ứng dụng lí   
thuyết liên văn bản khi xem xét các vở kịch của Lưu Quang Vũ nên phân tích   
loại hình của kịch sẽ không đề cập sâu mà nhường chỗ cho thuật ngữ liên văn   
bản mà người viết sẽ sử dụng.   
Phương pháp cấu trúc - hệ thống : người viết sẽ xem xét cấu trúc của các   
tác phẩm, mối quan hệ giữa tác giả, tác phẩm, người đọc, người xem. Tìm hiểu   
sự vận động về nhận thức, tình cảm của nhà văn và của nhân vật trong quá   
trình sáng tác. Qua việc xem xét cấu trúc bên ngoài và bên trong tác phẩm,   
người viết sẽ hệ thống theo cách diễn giải của thuật ngữ liên văn bản thành   
chương mục cụ thể.   
Phương pháp phân tích - tổng hợp : luận văn sẽ phân tích các tác phẩm   
theo tiêu chí nhất định. Có thể theo đề tài, theo chủ đề, theo kiểu nhân vật… trên   
cơ sở đó sử dụng phương pháp phân tích sâu một số nhân vật, hoặc tình tiết quan   
trọng của tác phẩm. Trên cơ sở phân tích sẽ có những đánh giá mang tính tổng   
hợp khái quát.   
Phương pháp so sánh - đối chiếu : đối với đề tài ứng dụng lí thuyết liên   
văn bản trong một tác giả, tác phẩm cụ thể luôn phải dùng đến phương pháp đối   
chiếu so sánh. Người viết sẽ đối chiếu với các văn bản ra đời trước đó để tìm ra   
điểm tương đồng và khác biệt, chỉ ra sự sáng tạo của nhà văn khi sử dụng liên   
văn bản. So sánh đối chiếu để thấy được đặc sắc trong nghệ thuật và cá tính sáng   
tạo, khả năng khơi mở những sáng tạo mới của nhà văn.   
  
14   
  
Ngoài ra người viết có thể sử dụng phương pháp thống kê - phân loại,   
phương pháp liên văn hóa - văn học, văn học - sân khấu. Tất cả phương pháp sẽ   
mở ra hướng tiếp cận thú vị cho sự sản sinh vô tận “tính năng sản” của văn bản một thuộc tính cơ bản của tính liên văn bản.   
5. Cấu trúc của luận văn   
Ngoài Phần mở đầu và Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, Phần nội   
dung được triển khai thành ba chương.   
Chương 1. Khái lược về lí thuyết liên văn bản và hành trình sáng tác kịch   
của Lưu Quang Vũ.   
Chương 2. Liên văn bản thông qua hệ thống đề tài, cốt truyện và nhân vật.   
Chương 3. Liên văn bản qua hình thức diễn ngôn.   
  
15   
  
CHƢƠNG 1 : KHÁI LƢỢC VỀ LÍ THUYẾT LIÊN VĂN BẢN VÀ   
HÀNH TRÌNH SÁNG TÁC KỊCH CỦA LƢU QUANG VŨ   
1.1 Khái lƣợc chung về lí thuyết liên văn bản   
1.1.1 Xung quanh khái niệm liên văn bản   
Liên văn bản là một khái niệm thuộc thi pháp học hiện đại phương Tây   
xuất hiện nửa sau thế kỉ XX và có thể coi là thành tựu của trào lưu giải cấu trúc.   
Nhà nghiên cứu F. Saussure, Bakhtin, Kritteva là những nhà lập thuyết đầu tiên   
của tính liên văn bản, sau đó mở rộng ra đến công trình của Barthe, Bloom, Eco,   
Derrda, Genette… Có hai cách tiếp cận thuật ngữ liên văn bản. Cách thứ nhất coi   
liên văn bản như một thủ pháp văn học, với quan niệm này tính liên văn bản giới   
hạn trong phạm vi các phương thức tạo lập mối quan hệ giữa văn bản hiện hành   
và văn bản trước đó. Sự kết nối liên văn bản mang ý thức chủ động và phải có dấu   
hiệu kết nối văn bản xuất hiện trong văn bản được khảo sát quy về phương thức   
mô phỏng, ám chỉ, trích dẫn, đạo văn, biên tập, tu chỉnh, chuyển dịch, giễu nhại,   
pha trộn thể loại. Cách thứ hai coi liên văn bản mang tính bản thể luận ở tác giả   
Bakhtin, R.Brathes, Kritteva “không có gì ngoài văn bản”, “mọi văn bản đều là   
liên văn bản”, tất cả các văn bản đều được kiến tạo dựa vào những mã và những   
quy tắc hiện hành. Các văn bản được xem là “bức khảm trích dẫn” là “không gian   
tiếng vọng” nơi mà nguồn gốc của những trích dẫn tiếng vọng đó biến mất. Liên   
văn bản là thuộc tính của văn bản và là yêu cầu của mọi sự giao tiếp.   
1.1.1.1 Lí thuyết liên văn bản của chủ nghĩa cấu trúc   
Chủ nghĩa cấu trúc được hình thành từ đầu thế kỉ XX đến những năm   
1940. Sự hình thành của chủ nghĩa cấu trúc bắt nguồn từ ngôn ngữ học cấu trúc   
của F. Saussure, chủ nghĩa hình thức Nga rồi vươn sang lĩnh vực khác. Với các   
nhà cấu trúc, nhà văn không chịu trách nhiệm với ý đồ tư tưởng, anh ta bị điều   
khiển bới cấu trúc, quy phạm, nguyên tắc tổ hợp văn học. Nhân vật không đóng   
vai trò duy nhất mang lại ý nghĩa cho văn bản, ý nghĩa văn bản được tạo bởi sự   
tương tác các cặp đối lập trong cấu trúc như sống/ chết, tồn tại/ diệt vong, niềm   
  
16   
  
tin/ chân lí…Mối quan hệ như vậy nối cấu trúc văn bản với cấu trúc văn hóa và   
tinh thần xã hội.   
Nửa sau những năm 60 chủ nghĩa cấu trúc bị đả phá, họ phủ nhận sự biểu   
nghĩa ổn định của cấu trúc, họ cho rằng không có cái gì tồn tại đơn lập, khép   
kín, biệt lập của văn bản. Văn bản mang tính “đa bội”, văn bản là sản phẩm của   
vô số những mã, những diễn ngôn của văn bản trước. Kritteva đề xuất tính liên   
văn bản thay thế tính ổn định, khép kín, biệt lập của văn bản. Chủ nghĩa cấu trúc   
tiếp nhận cái mới của giải cấu trúc Genette và Riffaterre coi đó là những đóng   
góp vào việc phát triển lí thuyết liên văn bản.   
Gerard Genette và tính xuyên văn bản: Genette trong công trình viết năm   
1997 đã đề xuất khái niệm xuyên văn bản. Xuyên văn bản có năm hình thức   
quan hệ: liên văn bản, cận văn bản, siêu văn bản, kiến trúc văn bản, ngoa dụ   
văn bản. Ông quan niệm liên văn bản là “Mối quan hệ cùng hiển diện giữa hai   
văn bản hoặc một vài văn bản trong một văn bản cụ thể” [trích theo 43,tr.24].   
Liên văn bản có ba hình thức biểu hiện là : trích dẫn, đạo văn, và ám chỉ. Trong   
đó trích dẫn, đạo văn là phân biệt cùng một hình thức đó là sự vay mượn câu   
chữ của một văn bản có sẵn để kiến tạo một sản phẩm mới mang ý đồ hoàn toàn   
mới. Tuy trung thành với chủ nghĩa cấu trúc nhưng ông đã có cách nhìn mới.   
Theo Daniel Chandler thì xuyên văn bản của Genette có mấy đặc điểm đáng chú   
ý: một là tính tự giác hoặc tính tự ý thức, ông chỉ chú ý đến loại văn bản có tính   
liên văn bản một cách có ý thức của nhà văn. Hai là sự biến đổi từ một nguồn   
gốc, sự biến đổi này tăng cường thêm tính tự ý thức. Ba là tính minh bạch trong   
trích dẫn. Bốn là sự hiểu của người đọc nhận ra sự liên kết của một văn bản đang   
hiện hữu. Năm là quy mô chuyển thể, sự kết hợp của văn bản khác trong văn bản   
hiện hành. Sáu là tính không thể xác định giữa ranh giới cấu trúc thể loại, chuỗi,   
tiếp nối. Genette có cái nhìn mới về mới về mối quan hệ liên văn bản, theo ông   
liên văn bản là quan hệ xác thực, có ý thức, có kiểm chứng, có chủ ý của tác giả.   
  
17   
  
Liên văn bản trong quan niệm của Genette gần gũi với phương pháp đọc tiểu   
thuyết có khả năng ứng dụng cao trong nghiên cứu.   
Michael Riffaterre và ảo tưởng quy chiếu : Michael Riffaterre (19242006) là nhà lí luận có quan niệm liên văn bản dưới lăng kính cấu trúc - kí hiệu   
học. Những phân tích của ông thể hiện một cách đọc mới, khám phá những bí ẩn   
của sản sinh văn bản thú vị. Ông chống lại tính quy chiếu thực tại của văn bản,   
theo ông văn bản và kí hiệu không quy chiếu thế giới thực tại mà quy chiếu các   
văn bản khác, các kí hiệu khác. Cái gọi là “quy chiếu thực tại” chỉ là ảo tưởng.   
Riffaterre cho rằng liên văn bản là sự nhận thức của người đọc về các mối quan   
hệ giữa tác phẩm với tác phẩm khác xuất hiện trước hoặc sau nó. Mặc dù còn có   
những hạn chế nhưng quan niệm của ông có vai trò quan trọng trong việc phát   
triển lí thuyết liên văn bản.   
Những quan niệm của Genette và Riffaterre đã hình thành một lối đi riêng   
được các nhà nghiên cứu gọi đó là quan niệm về tính liên văn bản của các nhà   
thi học cấu trúc.   
1.1.1.2.Lí thuyết liên văn bản từ Batkhtin đến Chủ nghĩa giải cấu trúc.   
Mikhail Bakhtin và tính đối thoại : Bakhtin (1895-1975) là nhà triết học,   
mỹ học và nghiên cứu văn học lớn của Liên Xô và thế giới thế kỉ XX. Trong   
công trình nghiên cứu đầu tiên vào năm 1924 về vấn đề nội dung, chất liệu, và   
hình thức trong sáng tạo nghệ thuật ngôn từ ông khẳng định “mỗi lời phát biểu   
cụ thể bao giờ cũng hiển diện trong một ngữ cảnh văn hóa đầy ý nghĩa” [trích   
theo 43, tr.31] và “chỉ trong ngữ cảnh lời phát biểu mới sống và mới được nhận   
biết đúng hay sai, đẹp hay xấu, chân thành hay xảo trá, cởi mở trơ trẽn hay đầy   
quyền uy, những lời trung tính không có và không thể có” [trích theo 43,tr.31].   
Trong tiểu luận Ngôn ngữ tiểu thuyết Bakhtin viết “Bất cứ lời nói nào cũng   
nhằm để đáp lại và không thể tránh khỏi ảnh hưởng sâu xa của lời đáp dự kiến   
sẽ có” [trích theo 43,tr.32]. Mỗi phát ngôn không thể trung tính, nó sẽ bị vây bọc   
bởi quan điểm, lập trường, giọng điệu khác và buộc phải gia nhập các mối quan   
  
18   
  
hệ tương tác, tán đồng, li khai. “Lời nói trên đường đến với đối tượng của mình   
tất yếu rơi vào môi trường đối thoại luôn cuộn sóng và căng thẳng” [trích theo   
43,tr.33] và ông khẳng định thuộc tính của lời nói là tính đối thoại.   
Bakhtin đặt ngôn ngữ trong quan hệ với tình huống xã hội cụ thể, ý nghĩa   
của các từ và các phát ngôn tùy thuộc vào chủ thể. Theo Bakhtin khi không có ý   
thức chủ động, người nói không nhận ra mình bị bao bọc bởi muôn ngàn tiếng   
nói khác nhau và do đó “chủ động định hướng giữa những tiếng nói khác biệt,   
xác định lập trường, lựa chọn ngôn ngữ” [trích theo 43,tr.34]. Quan điểm này   
trở thành nhân tố quan trọng nó quy định chủ thể trong vòng biến động, trong   
cuộc đụng độ ý thức. Nguyên tắc đối thoại của Bakhtin trở thành tiêu chuẩn sự   
tiến hóa xã hội. Hdquist xác định rằng, với Bakhtin tồn tại là đối thoại, ngôn ngữ   
là đối thoại, và tính tiểu thuyết là đối thoại, bởi theo Bakhtin “Ý thức bắt đầu ở   
đâu thì ở đó có đối thoại” [trích theo 43, tr.36].   
Từ nguyên lí đối thoại Bakhtin tiếp cận thể loại tiểu thuyết, ông xem lí   
luận về thể loại tiểu thuyết là tính đối thoại “Sự phát triển của tiểu thuyết là khơi   
sâu tính đối thoạị, mở rộng nó và làm cho nó ngày càng trở nên tinh tế”   
[3,tr.38]. Tiểu thuyết mang tính đa thanh, phức điệu, tính nhiều giọng nói. Lời   
nói của tiểu thuyết tồn tại như một sự lặp lại, có tính giễu nhại, nó đối thoại với   
lực lượng quan phương, nghiêm trang, những chân lí bất biến giáo điều đầy sức   
ỳ bằng một ý thức hệ bình đẳng, dân chủ khỏe khoắn lành mạnh, mang tính chất   
tái sinh giàu sức sống. Theo Bakhtin, biểu hiện của tính đối thoại là “tính dị   
ngôn”, tức là ngôn ngữ luôn thẩm thấu những vết tích khác, những cách dùng   
khác, những ý thức khác. Lời nói vừa có quan hệ nội bản, vừa có quan hệ liên   
văn bản. Bản chất lời nói luôn có mối quan hệ với lời nói… do đó tự nhiên đã   
thực hiện sự kết nối liên văn bản, liên ý thức, liên chủ thể đối thoại. Với quan   
niệm ngôn ngữ tiểu thuyết mang tính đối thoại, Bakhtin được xem là nhà khai   
sáng lí thuyết liên văn bản .   
  
19   
  
JuliaKritteva và tính liên văn bản: Kritteva (1941-) nhà triết học, tâm lí   
học, nữ quyền luận và là nhà tiểu thuyết Pháp gốc Bulgari. Trong bài viết Từ,   
Đối thoại và tiểu thuyết của Kritteva có mục tiêu chính là giới thiệu Bakhtin đến   
phương Tây. Trong khi làm công việc này, bà đã sáng tạo ra thuật ngữ liên văn   
bản nhằm phát triển và thay thế quan niệm tính đối thoại của Bakhtin theo tinh   
thần giải cấu trúc. Trong bài viết này, bà đề xuất ba chiều kích hay ba sự phối   
hợp có tính đối thoại ; đó là chủ thể viết, chủ thể nhận và ngữ cảnh “bất kì văn   
bản nào cũng được cấu trúc là bức khảm các trích dẫn. Bất kì văn bản nào cũng   
là sự hấp thụ và biến đổi các văn bản khác, còn ngữ cảnh bao gồm vô số văn   
bản tiềm ẩn hoặc hiển lộ ảnh hưởng tác động đến văn bản, bởi vậy ý nghĩa văn   
bản nảy sinh bên trong ngữ cảnh” [trích theo 43, tr.41]   
Để tránh việc gắn thuật ngữ liên văn bản với từ ngữ của truyền thống như   
“ảnh hưởng” “nguồn gốc”, Kritteva đề nghị dùng thuật ngữ “sự chuyển vị” thay   
thế tính liên văn bản với ý nghĩa xem tính liên văn bản như “một hành trình từ   
hệ thống kí hiệu này sang hệ thống kí hiệu khác nhằm giải cấu trúc vị trí cũ và   
thể hiện một địa vị mới sâu sắc hơn” [trích theo 43,tr.42] tức là tính liên văn bản   
được hiểu là “một sự chuyển vị của nhiều văn bản, một liên văn bản trong không   
gian văn bản” [trích theo 43,tr.42]. Liên văn bản không chỉ được đề cập đến   
những văn bản được hòa trộn vào văn bản khác mà cần được hiểu như sự   
chuyển vị của một hay nhiều hệ thống kí hiệu này vào hệ thống kí hiệu khác.   
Kritteva đã lược bỏ tính xã hội của các quan hệ diễn ngôn/ văn bản. Đây chính là   
sự khác biệt với tính đối thoại trong quan niệm của Bakhtin. Đối với Kritteva,   
liên văn bản là sự xếp chồng các văn bản như là một tấm vải với những kiểu dệt   
khác nhau cùng tồn tại trong một không gian văn bản. Chỉ có văn bản, không có   
chủ thể, Kritteva muốn giải trừ chủ thể. Đối với họ, thế giới hiện lên như một   
văn bản khổng lồ và chẳng có gì ngoài văn bản. Tính liên văn bản của Kritteva   
gắn liền với tinh thần giải cấu trúc và cảm quan hậu hiện đại.